

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

Người liên hệ: Nguyễn Tuấn Anh
Tel: 024.35742022 ext 205
Email: anhnt@vcci.com.vn

3.2020

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

MỤC LỤC

<u>I. GIỚI THIỆU CHUNG</u>	1
<u>1. Các thông tin cơ bản</u>	1
<u>2. Lịch sử</u>	2
<u>3. Văn hoá xã hội</u>	2
<u>4. Du lịch</u>	2
<u>5. Con người</u>	5
<u>6. Quan hệ quốc tế</u>	5
<u>II. TÌNH HÌNH KINH TẾ</u>	7
<u>1. Tổng quan</u>	7
<u>2. Các ngành kinh tế mũi nhọn</u>	7
<u>3. Các chỉ số kinh tế</u>	8
<u>III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRI VỚI VIỆT NAM</u>	11
<u>1. Các chuyến thăm cao cấp gần đây</u>	11
<u>IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM</u>	12
<u>1. Hợp tác thương mại</u>	14
<u>2. Hợp tác đầu tư</u>	14
<u>3. Hợp tác trong các lĩnh vực khác</u>	15
<u>V. HỢP TÁC VỚI VCCI</u>	15
<u>1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết</u>	16
<u>2. Hoạt động đã triển khai</u>	16
<u>VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH</u>	17
<u>1. Địa chỉ hữu ích</u>	17
<u>2. Các thông tin khác</u>	19

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu Việt Nam – Trung Quốc năm 2019

Bảng 2. Nhập khẩu Việt Nam – Trung Quốc năm 2019



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên nước	<i>Tên dài chính thức:</i> Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa <i>Tên ngắn chính thức:</i> Trung Quốc
Thủ đô	Bắc Kinh
Quốc khánh	1/10
Diện tích	9.600.000 km ² , đứng thứ 3 thế giới sau Nga và Canada
Dân số	1.394.015.977 (Ước tính tới tháng 7/2020). Trung Quốc là một quốc gia có nhiều dân tộc. Dân tộc Hán là chủ yếu, ngoài ra còn có 55 dân tộc ít người (chiếm 6% dân số cả nước và phân bố trên 50-60% diện tích toàn quốc).
Khí hậu	Trung Quốc thuộc khu vực gió mùa, khí hậu đa dạng từ ẩm đến khô. Nhiệt độ trung bình toàn quốc tháng 1 là -4,7 ⁰ C, tháng 7 là 26 ⁰ C. Ba khu vực được coi là nóng nhất là Nam Kinh, Vũ Hán, Trùng Khánh.
Ngôn ngữ	Tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Quảng Đông
Tôn giáo	Đạo giáo, Đạo phật, Thiên chúa giáo 3-4%, Hồi giáo 1-2%
Đơn vị tiền tệ	Đồng nhân dân tệ (RMB), 1USD = 7.76 RMB (năm 2017)
Múi giờ	GMT + 8
Thế chế	Thế chế nhà nước: Theo Hiến pháp Trung Quốc, nước CHND Trung Hoa là một nước XHCN của nền chuyên chính nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy liên minh công nông làm nền tảng. Chế độ XHCN là chế độ cơ bản của Trung Quốc. Chuyên chính nhân dân là thể chế của nhà nước. Cơ cấu nhà nước bao gồm Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn Quốc (Quốc hội), Chủ tịch nước, Quốc Vụ viện, Ủy ban Chính trị Hiệp thương toàn quốc (gọi tắt là Chính Hiệp, tương đương Mặt trận tổ quốc của ta), Ủy ban Quân sự Trung ương, Đại hội đại biểu Nhân dân và Chính phủ các cấp ở địa phương, Tòa án Nhân dân và Viện kiểm sát Nhân dân Thế chế chính trị: Đảng cầm quyền: Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập ngày 1.7.1921, hiện



có hơn 86 triệu Đảng viên. Bộ Chính trị có 25 người, trong đó có 9 Ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, Ban bí thư TƯ Đảng có 8 người.

Ngoài Đảng Cộng sản Trung Quốc còn có 8 đảng phái khác nhau đều thừa nhận sự lãnh đạo của ĐCS trong khuôn khổ mà Trung Quốc gọi là “hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS”: Hội Cách mạng dân chủ, Liên minh dân chủ, Hội kiến quốc dân chủ, Hội xúc tiến dân chủ, Đảng dân chủ nông công, Đảng chí công, Cửu tam học xã và đồng minh tự trị dân chủ Đài loan.

Chủ tịch nước Tập Cận Bình (2013-nay)
Thủ tướng Lý Khắc Cường (2013– nay)

2. Lịch sử

Con người đã sinh sống ở đất Trung Quốc cách đây hàng triệu năm. Dấu tích người vượn ở hang Chu Khẩu Điếm (gần Bắc Kinh) có niên đại cách đây hơn 500.000 năm. Cách ngày nay khoảng hơn 5000 năm, xã hội nguyên thủy ở Trung Quốc bước vào giai đoạn tan rã, xã hội có giai cấp, nhà nước ra đời.

Giai đoạn đầu, lịch sử Trung Quốc chưa được ghi chép chính xác mà chỉ được chuyển tải bằng truyền thuyết. Theo truyền thuyết, các vua đầu tiên của Trung Quốc là ở thời kì Tam Hoàng Ngũ Đế (Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông và Hoàng đế, Cao Dương đế, Cốc đế, Nghiêu đế, Thuấn đế). Theo các nhà nghiên cứu, thực ra đây là giai đoạn cuối cùng của thời kì công xã nguyên thủy.

Nền văn minh Trung Hoa cổ gắn liền với vùng lục địa Đông Á rộng lớn. Cách đây khoảng 50 vạn năm, ở vùng Chu Khẩu Điếm (về phía Tây Nam thành phố Bắc Kinh ngày nay) đã có con người sinh sống, được gọi là người vượn Bắc Kinh (Peking Man). Đó chính là những bầy đoàn người nguyên thủy dùng cành cây gậy gộc và các công cụ đá thô sơ để săn bắt, hái lượm và tự vệ. Người vượn Bắc Kinh đã biết dùng lửa.

Sau Thế chiến thứ hai, nội chiến xảy ra giữa Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc Quốc dân đảng và Đảng Cộng Sản và chấm dứt vào năm 1949 với kết quả là Quốc Dân đảng mất đại lục Trung Quốc (cả đảo Hải Nam) vào phe Cộng sản, chỉ còn quản lý Đài Loan cùng một số đảo ngoài khơi xa của Phúc Kiến. Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa theo thể chế nhà nước cộng sản tại đại lục. Dưới thời Mao Trạch Đông, chủ quyền và tính thống nhất của Trung Quốc lần đầu tiên sau hàng thập kỷ đã được bảo đảm, và đã có sự phát triển về mặt cơ sở hạ tầng, công nghiệp, y tế, và giáo dục. Tất cả điều này đã giúp nâng cao tiêu chuẩn dân sinh cho đại bộ phận người dân Trung Quốc. Họ cũng tin tưởng rằng những phong trào như Đại nhảy vọt và Cách mạng Văn hóa đã tác động tích cực đến sự phát triển của Trung Quốc và làm trong sạch nền văn hóa.

Tuy nhiên vào thời kỳ đầu Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã có một số sai lầm như Đại nhảy vọt, Cách mạng Văn hóa và Trăm hoa đua nở, gây thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế, đồng thời phá hoại nghiêm trọng di sản văn hóa Trung Hoa. Đặc biệt từ khi có phong trào Đại nhảy vọt đã xảy ra một nạn đói khủng khiếp ở Trung Quốc. Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc đã bầu Lưu Thiệu Kỳ làm chủ tịch nước, khởi xướng cải cách kinh tế.

3. Văn hoá xã hội

Các giá trị truyền thống của Trung Quốc đa phần bắt nguồn từ các tư tưởng chính thống của Nho giáo/chủ nghĩa bảo thủ, những tư tưởng này đã từng là nội dung giảng dạy chính trong trường học và được đưa vào một phần trong các kỳ thi tuyển quan chức cho chế độ phong kiến. Tuy nhiên, thuật ngữ Nho giáo hơi có vấn đề ở chỗ hệ tư tưởng đã từng đạt đến đỉnh cao vào thời Trung Quốc phong kiến nhà Thanh, thực ra là kết quả của nhiều khuynh hướng tư tưởng khác nhau, trong đó có Pháp gia, mà dưới nhiều khía cạnh bắt nguồn từ tư tưởng chính thống ban đầu của Nho gia; thực tế là khi chế độ phong kiến Trung Quốc đạt tới đỉnh cao thì những vấn đề như ý thức quyền lợi cá nhân, góp ý với



chính quyền, và đòi hỏi những thay đổi cho cuộc sống càng bị những triết gia "chính thống" tìm cách ngăn cản, cho rằng Nho giáo là đồng nghĩa với sự quy phục và ổn định chính trị. Hiện nay, có những nhà Nho đương đại lại phản đối kiểu diễn giải đó và cho rằng những lý tưởng dân chủ và quyền con người hoàn toàn phù hợp với những "giá trị châu Á" Nho giáo cổ truyền.

Những nhà lãnh đạo đã cố gắng thay đổi xã hội Trung Hoa sau khi Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949 đều là những người được đào tạo dưới xã hội cũ cùng với những dấu ấn giá trị của nó. Mặc dù đều là những người có ý thức cách mạng, họ không có ý định biến đổi hoàn toàn nền văn hóa Trung Hoa. Là những nhà quản lý thực dụng, lãnh đạo của CHNDTH tìm cách thay đổi một số khía cạnh truyền thống như vấn đề sở hữu đất canh tác và vấn đề giáo dục, tuy vậy vẫn giữ những giá trị cũ như cơ cấu gia đình. Thực ra, nhiều người cho rằng thời kỳ cộng sản sau năm 1949 thực ra chỉ là sự nối tiếp lịch sử Trung Quốc truyền thống, chứ không phải là những gì thực sự cách mạng—quản chúng vẫn chấp nhận quan điểm phục tùng giai cấp lãnh đạo như xưa mà không hề phản đối. Chính quyền mới được coi như nắm giữ Thiên mệnh, giành quyền từ chế độ cũ và thiết lập triều đại mới. Cũng giống như thời phong kiến, người cai trị (Mao Trạch Đông) được tôn sùng và coi như không bao giờ mắc lỗi. Do vậy, thay đổi trong xã hội Trung Quốc không phải là toàn diện và nhất quán theo như phát ngôn chính thức.

Trong thời kỳ Cách mạng văn hóa do Hồng vệ binh tiến hành, nhiều khía cạnh của văn hóa truyền thống Trung Quốc như nghệ thuật, văn học, ngôn ngữ, bị chế độ coi là "tàn dư của chế độ phong kiến", là độc hại và đi lùi so với thời đại nên đã bị xóa bỏ khá nhiều. CHNDTH đã cải cách nhiều loại hình nghệ thuật, theo kiểu như "biến đổi" Kinh kịch để phù hợp với các khẩu hiệu tuyên truyền hiện thực xã hội chủ nghĩa. Theo thời gian, phần lớn văn hóa truyền thống Trung Quốc được người dân và chế độ chấp nhận là một phần của xã hội Trung Quốc; thực tế là chính sách quốc gia của Trung Quốc thường tán dương đây là những thành tựu quan trọng của nền văn minh Trung Quốc, và nhấn mạnh chúng là những yếu tố quan trọng trong việc hình thành một bản sắc quốc gia Trung Quốc. Trong những năm gần đây, CHNDTH cũng thường xuyên củng cố tinh thần quốc gia mà nhiều người cho là chiến thuật để duy trì sự lãnh đạo hợp pháp của họ.

Văn học Trung Quốc có bề dày lịch sử hàng ngàn năm, từ các tài liệu lưu trữ của các triều đại cho đến các tiểu thuyết hư cấu từ thời trung cổ để phục vụ cho các độc giả người Trung Quốc biết chữ. Trung Quốc có một kho tàng văn học cổ điển phong phú, bao gồm cả thơ và văn xuôi, có niên đại từ thời nhà Đông Chu (770-256 BCE) và bao gồm các tác phẩm kinh điển được cho là của Khổng Tử. Trong số các tác phẩm kinh điển nhất của văn học Trung Quốc là Kinh Dịch. Trong thời kỳ hiện đại, tác gia Lão Tấn (1881-1936) có thể được xem là người sáng lập văn học bạch thoại hiện đại ở Trung Quốc. Văn học cổ đại Trung Quốc có ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn học các nước Hán hóa như: Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam. Cho đến khi văn hóa phương Tây du nhập vào Việt Nam, đặc biệt là thời Pháp thuộc thì văn học Việt Nam mới dần chuyển qua chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây cho đến nay.

Ẩm thực Trung Quốc: Có sự khác biệt văn hóa rất lớn giữa các vùng khác nhau của Trung Quốc và do đó dẫn đến sự khác nhau giữa phong cách ẩm thực các vùng miền của Trung Quốc. Có 8 vùng ẩm thực chính ở Trung Quốc: Anhui, Cantonese, Fujian, Hunan, Jiangsu, Shandong, Szechuan, và Zhejiang.

Một bữa ăn theo văn hóa Trung Quốc thương gồm hai thành phần chính: (1) nguồn cấp chất bột, gọi là "主食" trong tiếng Trung, ("zhǔshí" Pinyin, nghĩa "Thức ăn chính") — thường là cơm, mỳ, hay mantou), và (2) thức ăn kèm theo như rau, thịt, cá.

Cơm là một phần quan trọng bậc nhất trong ẩm thực Trung Hoa, Tuy nhiên, nhiều nơi ở Trung Quốc, đặc biệt là miền Bắc Trung Quốc, các sản phẩm làm từ lúa mỳ như mỳ sợi và các loại bánh bao (như mantou) thì chiếm ưu thế, trái với miền Nam Trung Quốc nơi gạo là chủ lực. Tuy nhiên có nhiều



trường hợp thì com là món phụ và được dùng sau dùng dưới dạng com chiên. Món xúp thường được dùng trước và sau một bữa ăn ở Nam Trung Hoa.

Đũa là dụng cụ ăn uống chính của Trung Quốc.

Âm nhạc: Trong các hoạt động săn bắn và cúng tế nguyên thủy của tổ tiên dân tộc Trung Hoa, đã xuất hiện loại hình dân ca sớm nhất và cũng từ đó mở ra trang sử âm nhạc ngũ âm. Người ta biết đến Trung Quốc với một thể loại âm nhạc cổ xưa đặc trưng đó là Kinh kịch, là một thể loại ca kịch của Trung Quốc hình thành và phát triển mạnh tại Bắc Kinh vào thời vua Càn Long của vương triều nhà Thanh. Ban đầu nghệ thuật diễn tuồng sân khấu của Trung Hoa cổ được gọi là ca kịch hay hí kịch là một thể loại diễn tuồng bao gồm ca múa (ngâm khúc kèm theo nghệ thuật vũ đạo), thậm chí có cả các loại tạp kỹ pha trộn như kể chuyện, các màn nhào lộn, xiếc, diễn hoạt kê (tiểu lâm khôi hài), đối thoại trào lộng và võ thuật.

Trải qua mấy nghìn năm diễn biến và phát triển, âm nhạc Trung Quốc luôn mở rộng tầm lòng hướng ra thế giới, luôn cất lên những khát vọng tự do và trân thành, tiếp thu, học tập và hội nhập, đã hình thành những chương nhạc Trung Hoa muôn màu sắc.

Giáo dục: Về giáo dục, phương châm chiến lược phát triển Giáo dục Trung Quốc đó là: Giáo dục hướng về hiện đại, Giáo dục hướng tới tương lai và Giáo dục hướng ra thế giới. Đây là tư tưởng xác lập vị trí chiến lược của giáo dục trong nỗ lực xây dựng đất nước phát triển, nhất là nhằm tăng cường hội nhập quốc tế. Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc chủ trương bồi dưỡng, giáo dục nhân tài theo ba hướng này.

Ngày nghỉ, lễ tết: Tết dương lịch nghỉ 1 ngày, tết âm lịch nghỉ 7 ngày, tết Thanh minh nghỉ 3 ngày, tết Lao động nghỉ 3 ngày, tết Đoàn Ngộ nghỉ 3 ngày, tết Trung Thu nghỉ 3 ngày, Quốc Khánh nghỉ 7 ngày.

Vào các dịp này số người đi lễ rất đông và kẹt xe thường hay xảy ra. Vì vậy du khách đến Trung Quốc nên chọn ngày đi để tránh bất tiện do nạn kẹt xe ngoài đường.

Lễ hội Trăng tròn tháng 8 (Tết Trung Thu): là dịp lễ rất quan trọng của người Trung Quốc. Vào dịp này, mặt trăng trở nên tròn nhất trong năm ở Trung Quốc. Theo truyền thống lâu đời của người Hoa, con người là một phần hòa hợp của thiên nhiên. Vào ngày trăng tròn nhất trong năm là dịp đoàn tụ các thành viên trong gia đình. Nếu một thành viên trong gia đình vì công việc quá bận rộn không về nhà được để tham dự Tết Trung thu thì những thành viên còn lại trong gia đình có thể nhìn lên ông trăng tròn để “đoàn tụ” trong tâm trí với người vắng nhà.

Các ngày quốc lễ ở Trung Quốc:

Ngày 1 tháng 1: Tết Dương lịch

3 ngày đầu tiên của Tết Âm lịch: Lễ hội mùa xuân

Rằm tháng giêng âm lịch: Lễ hội đèn lồng

Ngày 8 tháng 3: Quốc tế Phụ nữ

Ngày 5 tháng 4: Ngày tảo mộ (tết Thanh Minh)

Ngày 1 tháng 5: Quốc tế Lao động

Ngày 4 tháng 5: Ngày Thanh niên

Ngày 1 tháng 6: Ngày Quốc tế Thiếu nhi

Ngày Mùng 5 tháng 5 âm lịch: Lễ hội thuyền rồng

Ngày 1 tháng 7: Ngày Thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc, Kỷ niệm ngày Hồng Kông được trao trả về Trung Quốc



Ngày 7 tháng 7: Kỷ niệm chiến tranh chống quân phát xít Nhật

Ngày 1 tháng 8: Ngày Quân đội

Ngày 10 tháng 9: Ngày Nhà giáo

Ngày 15 tháng 8 âm lịch: Tết Trung Thu

Ngày 1 tháng 10: Quốc khánh Trung Quốc

4. Du lịch

Là một đất nước rộng lớn và với bề dày lịch sử trên 5.000 năm, Trung Quốc ngày nay là một nơi hấp dẫn du lịch vào loại bậc nhất trên thế giới theo phong cách văn hóa Phương Đông. Theo số liệu của Cục du lịch Trung Quốc năm 2015, Trung Quốc đón gần 134 triệu du khách nước ngoài (Kể cả Hongkong và Macao) tăng 14,4% so với năm 2014. Với 48 địa danh được UNESCO công nhận là di sản thế giới đến năm 2015, Trung quốc trở thành quốc gia xếp thứ 2 trên thế giới về sở hữu số lượng di sản thế giới (Di sản vật thể) chỉ sau Italy với 51 địa danh. Với địa hình đa dạng và với lịch sử phong kiến tập quyền hàng ngàn năm, ngành du lịch Trung Quốc vẫn đang trong quá trình tìm kiếm và khai quật khảo cổ những địa danh thiên nhiên và lịch sử sẽ làm sừng sốt thêm hàng triệu du khách và chắc chắn rằng con số mà UNESCO công nhận ở Trung quốc không dừng lại ở con số 48. Có thể nói, những di tích, những công trình kiến trúc, những hiện vật liên quan, thậm chí là những giai thoại lịch sử của người Trung quốc... cách đây hàng mấy trăm năm thậm chí hàng ngàn năm nhưng các chính quyền Trung Quốc trước nay phần lớn đều gìn giữ nguyên vẹn. Đây là một thế mạnh quan trọng nhất của ngành du lịch về loại hình văn hóa - lịch sử.

Hiện tại du lịch Trung quốc đã rất đa dạng về loại hình là nhằm mục đích phát triển đa dạng về nguồn khách. Ví dụ như muốn tìm hiểu đất nước Trung quốc trong 10 năm qua thì nên đến thành phố Thẩm Quyến; Trong 100 năm thì đến Thượng Hải; Trong 1.000 năm thì đến Bắc Kinh... Nhưng hầu hết khi nói đến du lịch Trung Quốc thì người ta nghĩ ngay đến các cảnh quan thiên nhiên huyền bí và các lăng tẩm, đền đài, thành lũy rất cổ kính và đồ sộ của người Trung quốc xưa. Và đó cũng là lý do để UNESCO công nhận, xếp hạng và bảo tồn các địa danh du lịch chính của Trung quốc hiện nay.

5. Con người

Trung Quốc là quốc gia đa dân tộc với 56 dân tộc được chính thức công nhận. Trung Quốc là nước có dân số lớn nhất thế giới khoảng hơn 1,3 tỉ người. Dân tộc chủ yếu là người Hán chiếm tới 91,5%, dân tộc Choang, Mãn, Hồi, Miêu, người Duy Ngô Nhĩ, Tujia, Yi, Mông Cổ, Tây Tạng, Buyi, Đổng, Yao, Hàn Quốc, và các dân tộc khác 8,5% . Ngay người Hán cũng là một dân tộc tương đối không đồng nhất về mặt chủng tộc, có thể coi như là sự kết hợp giữa nhiều nhóm dân tộc khác nhau cùng chia sẻ những đặc điểm văn hóa và ngôn ngữ chung. Người Kinh (người Việt) tạo thành một nhóm nhỏ tập trung ở vùng ven biển Quảng Tây.

Là một nước đông dân, Chính phủ có chính sách hạn chế phát triển dân số, chính sách này yêu cầu các gia đình ở các vùng đô thị (ngoại trừ các dân tộc "thiểu số" như Tây Tạng) chỉ nên có một con còn các hộ gia đình ở các vùng nông thôn có thể có hai con nếu con đầu là gái. Tuy nhiên, những năm gần đây cơ cấu dân số của Trung Quốc có xu hướng bị già hóa vì vậy cuối năm 2015, chính phủ Trung Quốc đã quyết định cho phép mỗi cặp vợ chồng có thể sinh hai con, chính sách này sẽ bắt đầu có hiệu lực từ 1/1/2016.

Các nhóm sắc tộc tại Trung Quốc (theo phân loại của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa)

A Xương · Bạch · Bảo An · Blang (Bố Lãng) · Bồ Y · Kachin (Cảnh Pha) · Cao Sơn · Hà Nhì (Cáp Nê) · Choang · Jino (Cơ Nặc) · Dao · Lô Lô (Di) · Yugur (Dụ Cố) · Uyghur (Duy Ngô Nhĩ) · She (Du/Xa)



Daur (Đạt Oát Nhĩ) · Độc Long · Động · Đông Hương · Palaung (Đức Ngang) · Nanai (Hách Triết) · Hán · H'Mông (Miêu) · Hồi · Kazakh (Cáp Tát Khắc) · Kirgiz (Kha Nhĩ Khắc Tư) · Khương · Kinh · Lhoba (Lạc Ba) · La hủ (Lạp Hổ) · Lisu (Lật Túc) · Lê · Mãn · Mao Nam · Monpa (Môn Ba) · Mông Cổ · Mulao (Mục Lão) · Naxi (Nạp Tây) · Nga (Nga La Tư) · Evenk (Ngạc Ôn Khắc) · Oroqen (Ngạc Xuân Luân) · Cờ lao (Ngật Lão) · Va (Ngõa) · Nộ · Uzbek (Ô Tư Biệt Khắc) · Pumi (Phổ Mễ) · Salar (Tát Lạp) · Tạng · Thái · Tajik (Tháp Cát Khắc) · Tatar (Tháp Tháp Nhĩ) · Thổ · Thổ Gia · Thủy · Xibe (Tích Bá) · Triều Tiên

6. Quan hệ quốc tế

Tôn chỉ của chính sách ngoại giao Trung Quốc là bảo vệ hòa bình thế giới, thúc đẩy cùng phát triển. Trung Quốc sẽ giương cao ngọn cờ hòa bình, phát triển và hợp tác, kiên trì chính sách ngoại giao hoà bình, độc lập tự chủ, kiên định đi con đường phát triển hòa bình, kiên trì phát triển quan hệ với tất cả các nước trên cơ sở năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, cùng với cộng đồng quốc tế dốc sức vào sự nghiệp cao cả vì hòa bình và phát triển của loài người.

Sau khi Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa thành lập vào năm 1949, quan hệ ngoại giao Trung Quốc đã mở ra trang sử mới.

Từ năm 1949 đến cuối những năm 50 thế kỷ 20, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao và phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với Liên Xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa. Sau hội nghị Băng-đung In-đô-nê-xi-a, một số nước châu Á và châu Phi lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Đến năm 1956, đã có 25 nước thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Từ cuối những năm 50 đến cuối những năm 60 thế kỷ 20, Trung Quốc lần lượt ký hiệp ước hữu nghị và hiệp định hợp tác kinh tế kỹ thuật với những nước Ghi-nê, Ga-na, Ma-li, Gông-gô, Tan-da-ni-a và v...ũng hộ đấu tranh vũ trang giành độc lập của những nước Ăng-gô-la, Ghi-nê Bít-xao, Mô-đăm-bích, Dim-ba-bu-ê, Na-mi-bi-a và đấu tranh chống chủ nghĩa chủng tộc người da trắng của nhân dân Nam Phi. Giải quyết vấn đề biên giới do lịch sử để lại và ký hiệp ước biên giới với các nước Mi-an-ma, Nê-pan, Mông Cổ, Áp-ga-ni-xtan, ký với Pa-ki-xtan hiệp định biên giới giữa khu vực phòng thủ thật sự được kiểm soát ở Tân Cương Trung Quốc và Pa-ki-xtan. Giải quyết với In-đô-nê-xi-a vấn đề hai quốc tịch của hoa kiều ở In-đô-nê-xi-a. Đến năm 1969, đã có 50 nước thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Bước ngoặt quan trọng trong nền ngoại giao Trung Hoa mới là vào tháng 10 năm 1971. Năm đó, với sự ủng hộ của đông đảo nước đang phát triển, Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 26 thông qua nghị quyết số 2758 với đa số phiếu áp đảo, khôi phục mọi quyền lợi hợp pháp của Trung Quốc tại Liên hợp quốc và trực xuất ngay đại diện của tập đoàn Quốc Dân Đảng từ Liên hợp quốc cũng như tất cả các cơ quan của Liên hợp quốc. Từ đó về sau, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với tuyệt đại đa số nước Phương Tây, đây là cao trào thiết lập quan hệ ngoại giao lần thứ ba.

Từ cuối những năm 70 đến cuối những năm 80 thế kỷ trước, dưới sự chỉ dẫn của tư tưởng ngoại giao Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc bình thường hoá quan hệ với Mỹ, Nhật và các nước Tây Âu, cải thiện quan hệ ngoại giao với Liên Xô, phát triển toàn diện quan hệ với các nước thế giới thứ ba. Cải thiện và phát triển quan hệ với các nước xung quanh và đông đảo các nước đang phát triển. Để giải quyết thoả đáng vấn đề Hồng Công và Ma-cao, Trung Quốc và Anh cũng như Bồ Đào Nha thông qua đàm phán ngoại giao lần lượt phát biểu Tuyên bố chung vào tháng 12 năm 1984 và tháng 4 năm 1987, xác nhận Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa khôi phục thi hành chủ quyền đối với Hồng Công và Ma-cao vào ngày 1 tháng 7 năm 1997 và ngày 20 tháng 12 năm 1999.

Từ những năm 90 thế kỷ 20, tập thể lãnh đạo thứ ba với nòng cốt là đồng chí Giang Trạch Dân kế thừa và quán triệt sáng tạo tư tưởng ngoại giao và chính sách ngoại giao tự chủ và hoà bình của đồng chí
Cập nhật 3/2020



Đặng Tiểu Bình, tích cực phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước trên thế giới trên 5 nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình, cùng nhau thúc đẩy việc thiết lập trật tự chính trị và kinh tế quốc tế mới. Lần lượt khôi phục quan hệ ngoại giao với In-đô-nê-xi-a, thiết lập quan hệ ngoại giao với Xin-ga-po, Bru-nây và Hàn Quốc, bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Mông Cổ .

Năm 1996, chủ tịch Giang Trạch Dân sang thăm ba nước Nam Á, thông qua thương lượng xác định , Trung Quốc và Ấn Độ thiết lập quan hệ đối tác mang tính xây dựng hướng tới thế kỷ 21. Trung Quốc và Pa-ki-xtan thiết lập quan hệ đối tác hợp tác toàn diện hướng tới thế kỷ 21, Trung Quốc và Nê-pan thiết lập quan hệ đối tác láng giềng thân thiện vĩnh viễn. Trung Quốc tích cực phát triển quan hệ với các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ-la tinh cũng như các nước Đông Âu và Trung Âu, củng cố và tăng cường hơn nữa quan hệ với các nước châu phi phía Nam Sa-ha-la. Trung Quốc không ngừng phát triển quan hệ với các nước Mỹ-La tinh. Đã có 19 nước châu Mỹ-La tinh thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Một số nước chưa thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc cũng bắt đầu xem xét việc phát triển quan hệ với Trung Quốc .

Trung Quốc khẳng định kiên trì đi theo con đường phát triển hòa bình. Với thế và lực không ngừng gia tăng, Trung Quốc nêu cao ngọn cờ “xây dựng thế giới hài hoà, Châu Á hài hoà”, tích cực tham gia vào các vấn đề quốc tế như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, giảm đói nghèo, các điểm nóng khu vực, phát huy vai trò nước lớn “có trách nhiệm”; Trung Quốc bắt tay vào thực hiện chính sách “Ngoại giao nước lớn” với việc ưu tiên duy trì ổn định quan hệ với Mỹ, tăng cường quan hệ với Nga, Ấn Độ, Brazil; đẩy mạnh quan hệ với Nhật Bản, mở rộng hợp tác với EU; Đồng thời Trung Quốc cũng không quên tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á, Châu Phi, Mỹ La tinh... Với khu vực, Trung Quốc đặt trọng tâm vào các nước láng giềng xung quanh, đẩy mạnh chính sách “mục lân, an lân, phú lân”(hữu nghị với láng giềng, yên ổn với láng giềng và làm giàu với các nước láng giềng), xây dựng khuôn khổ quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện và ổn định lâu dài với các nước ở các mức độ khác nhau. Đồng thời, tích cực tham gia vào các cơ chế hợp tác khu vực, liên khu vực như ASEAN +1, ASEAN +3, Cấp cao Đông Á, Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO), APEC, đề xướng và đẩy mạnh triển khai khu mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN (CAFTA). Trung Quốc luôn giương cao ngọn cờ hòa bình, hợp tác và phát triển, duy trì môi trường hòa bình thế giới và khu vực. Tuy nhiên, những nỗ lực đó của Trung Quốc vẫn đang được thế giới kiểm chứng, đặc biệt là trong vấn đề biển Đông.

Trung Quốc đã tham gia các tổ chức quốc tế sau:

ADB, AfDB (nonregional member), APEC, Arctic Council (observer), ARF, ASEAN (dialogue partner), BIS, BRICS, CDB, CICA, EAS, FAO, FATF, G-20, G-24 (observer), G-5, G-77, IADB, IAEA, IBRD, ICAO, ICC (national committees), ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IOM (observer), IPU, ISO, ITSO, ITU, LAIA (observer), MIGA, MINURSO, MINUSMA, MONUSCO, NAM (observer), NSG, OAS (observer), OPCW, Pacific Alliance (observer), PCA, PIF (partner), SAARC (observer), SCO, SICA (observer), UN, UNAMID, UNCTAD, UNESCO, UNFICYP, UNHCR, UNIDO, UNIFIL, UNMIL, UNMISS, UNOCI, UNSC (permanent), UNTSO, UNWTO, UPU, WCO, WHO, WIPO, WMO, WTO, ZC. (Nguồn CIA)

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan

Hơn 30 năm thực hiện cải cách mở cửa, Trung Quốc đã thu được những thành tựu to lớn, đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn trên thế giới. Từ năm 1979 đến 2005, GDP bình quân hàng năm của Trung Quốc tăng trên 9,4%, đạt mức cao nhất thế giới. Tính riêng năm 2005, năm cuối cùng thực hiện "Kế hoạch 5 năm lần thứ 10", GDP của Trung Quốc tăng trưởng 9,9%, đạt khoảng 2200 tỷ USD (gấp 50 lần so với năm 1978), xếp thứ 4 thế giới; thu nhập bình quân của cư dân ở thành thị đạt khoảng 1295 USD, ở nông thôn đạt khoảng 403 USD. Về kinh tế đối ngoại, Trung Quốc kết thúc thời gian quá



độ sau khi gia nhập WTO; tổng kim ngạch thương mại đạt 1422 tỷ USD, tăng 23,2%, xếp thứ 3 thế giới (gấp 60 lần so với năm 1978); dự trữ ngoại tệ đạt 941 tỷ USD, đứng đầu thế giới. Kể từ năm 2003, Trung Quốc đã vượt Mỹ trở thành nước thu hút đầu tư nước ngoài FDI lớn nhất thế giới; năm 2005 FDI thực tế đạt 60,3 tỷ USD, đưa tổng số vốn đầu tư thực tế vượt 620 tỷ USD. Năm 2009 tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đạt 2 % với mức dự trữ ngoại tệ đạt 2.399,152 tỷ đô la. tương đương Năm 2011, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc đạt 9,5%, tương đương tăng trưởng GDP 6.989 tỷ USD. Trong 2010-2011, Trung Quốc phải đối mặt với lạm phát cao, một số biện pháp thắt chặt xuất hiện để lạm phát được kiểm soát, nhưng cũng do đó tăng trưởng GDP giảm xuống dưới 8 % trong năm 2012. Năm 2015, GDP (PPP) Trung Quốc đạt 19,51 tỷ USD tăng 6,8% so với năm 2014, đứng vị trí số 1 trên thế giới. Năm 2016 GDP (PPP) Trung Quốc đạt 21.14 tỷ USD tăng 8.3% so với năm 2015, đứng vị trí số 1 trên thế giới. Năm 2017 GDP (PPP) Trung Quốc đạt 23.16 tỷ USD tăng 9.55% so với năm 2016, đứng vị trí số 1 trên thế giới. Năm 2018 GDP (PPP) Trung Quốc đạt 25.36 tỷ USD tăng 9,49% so với năm 2017 đứng vị trí số 1 trên thế giới (số liệu của CIA)

2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:

Sản lượng sản xuất nhiều sản phẩm đứng hàng đầu thế giới. Từ một nước nghèo hàng hoá khan hiếm và thường xuyên phải nhập một khối lượng lớn lương thực, gần đây Trung Quốc đã vượt lên đứng đầu thế giới về sản lượng nhiều loại sản phẩm như: ngũ cốc (512 triệu tấn/1998), bông (6,32 triệu tấn/2004), hạt có dầu (30,57 triệu tấn/2004), thịt (41,2 triệu tấn), thép 273 triệu tấn/2004, than (1,956 tỷ tấn/2004), vải (24,87 tỷ m²), xi măng: 970 triệu tấn (2004)...; đồng thời Trung Quốc cũng đứng thứ hai thế giới về sản lượng điện (1135,6 tỷ Kw), phân hoá học (28,2 triệu tấn), về số thuê bao Internet. Trung Quốc cũng đứng thứ 3 thế giới về sản xuất ô tô, với 5,2 triệu chiếc (2004).

Hiện nay, Trung Quốc là nước thứ 4 sau Mỹ, Nhật và Đức về sản xuất hàng công nghiệp hiện đại. Trung Quốc đứng đầu thế giới về 35 loại sản phẩm công nghiệp như: máy thu hình màu, máy giặt, tủ lạnh, điều hoà nhiệt độ, máy tính, máy điện thoại kỹ thuật số, lò vi sóng, VCD, điện thoại di động, máy fax, xe máy, xe đạp, linh kiện máy tính, tơ lụa, trang phục... với hơn 40 loại sản phẩm có sản lượng chiếm trên 50% tổng sản lượng thế giới. Các toại hàng hoá này đều chiếm ưu thế trên thế giới về số lượng tuyệt đối hay về giá cả.

Nông nghiệp

Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất trên thế giới và là một trong những nước sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp nhiều nhất. Theo chương trình lương thực của liên hiệp quốc, vào năm 2003, Trung Quốc đóng góp tới 20% dân số thế giới trong khi với chỉ 7% khu vực đất trồng. Trung quốc xếp hàng đầu về sản lượng lương thực đầu ra, do ảnh hưởng của các nhân tố địa lý và khí hậu, chỉ khoảng 10-15% tổng số đất trồng là thích hợp để canh tác. Ngày nay, nông nghiệp chỉ đóng góp 10,6% GDP của Trung quốc

Khoảng 39,5% dân số lao động của Trung Quốc làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Có khoảng 300 triệu công nhân lao động trong các nông trại. Trung Quốc là nước sản xuất lúa gạo lớn nhất thế giới và gạo cũng một trong những nguồn lương thực quan trọng là lúa mì, ngô, thuốc lá, lạc, bông, khoai tây, đậu phộng, chè, kê, lúa mạch, thịt lợn. Xuất khẩu nông nghiệp như rau quả, cá, tôm, ngũ cốc và các sản phẩm ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt được xuất khẩu sang Hong Kong. Lợi nhuận thu được cao bởi sự canh tác chuyên sâu, ví dụ, khu vực đất trồng của Trung Quốc chỉ bằng 75% so với diện tích đất trồng của Mỹ nhưng Trung Quốc vẫn sản xuất nhiều hơn khoảng 30% vụ mùa và vật nuôi so với Mỹ.

Miền tây Trung Quốc gồm có Tibet, Xinjiang, và Qinghai có rất ít diện tích đất nông nghiệp ngoại trừ khu vực trồng hoa và chăn nuôi gia súc. Lúa gạo, là cây trồng quan trọng nhất của Trung Quốc, được trồng nhiều hơn ở các tỉnh miền nam, rất nhiều tỉnh cho thu hoạch hai vụ một năm. Tại phía bắc, lúa mì



là cây quan trọng nhất, trong khi đó tại trung tâm Trung quốc thì lúa mì và lúa gạo cạnh tranh với nhau ở vị trí quan trọng hàng đầu. Cây kê và cao lương (một loại hạt ngũ cốc) đang được trồng chủ yếu ở các vùng đông bắc và một số tỉnh trung tâm, và cùng với một số khu vực phía bắc cũng đóng góp số lượng đáng kể về lúa mạch. Hầu hết các loại cây trồng họ đậu đều xuất phát từ miền bắc và đông bắc. Ngô được trồng ở trung tâm và các khu vực phía bắc trong khi chè được trồng chủ yếu từ các vùng núi cao của miền đông nam. Cây bông được trồng hầu khắp các tỉnh trung tâm nhưng cũng rải rác ở các tỉnh đông nam và ở phía bắc. Cây thuốc lá được trồng ở vùng trung tâm và các vùng phía nam. Các cây trồng quan trọng khác khoai tây, củ cải đường và cây lấy dầu.

Nghề nuôi gia súc đứng thứ hai về tầm quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc. Trung Quốc là nước dẫn đầu về sản xuất thịt lợn, thịt gà, trứng và cũng có những đàn gia súc có quy mô như cừu, bò. Từ giữa những năm 1970, Trung Quốc đã nhấn mạnh hơn về sản lượng đầu ra của vật nuôi. Trung quốc có truyền thống về nghề chế biến, nuôi cá nước ngọt và nuôi trồng thủy sản. Nghề chăn nuôi luôn luôn đóng vai trò quan trọng và ngày càng được nhấn mạnh để phụ thêm nghề nuôi cá vùng biển và nội địa đang bị đe dọa bởi việc đánh bắt cá quá mức và cũng cung cấp các loại hàng hóa xuất khẩu có giá trị ví dụ như tôm hùm.

Công nghiệp và chế tạo

Công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 48% GDP của Trung Quốc. Khoảng 8% tổng số đầu ra hàng chế tạo trên thế giới đến từ Trung Quốc. Trung Quốc xếp thứ 3 trên thế giới về hàng đầu ra công nghiệp. Công nghiệp chủ yếu là mỏ, xử lý quặng, sắt thép, nhôm, than đá, máy móc, vũ khí, hàng dệt may, dầu mỏ, xi măng, hóa chất, phân bón, chế biến thức ăn, sản xuất ô tô và các phương tiện giao thông khác bao gồm ô tô ray, đầu máy xe lửa, tàu thủy, máy bay, hàng tiêu dùng gồm giấy dếp, đồ chơi, hàng điện tử, hàng công nghệ viễn thông. Trong rất nhiều các ngành công nghiệp khác nhau, chế tạo máy móc và công nghiệp luyện kim nhận được nhiều ưu tiên cao nhất. Hai khu vực này bản thân đã chiếm khoảng 20-30% tổng giá trị của đầu ra công nghiệp.

Việc tập trung cũng dễ nhận thấy là phát triển công nghiệp hóa chất để mở rộng sản xuất đầu ra của phân bón hóa học, nhựa và sợi tổng hợp. Sự phát triển ngành công nghiệp này đã xếp Trung quốc vào hàng những nước sản xuất hàng đầu thế giới về phân bón hóa học.

Về lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, tập trung chủ yếu vào hàng dệt may và quần áo, việc này đóng một phần quan trọng vào xuất khẩu của Trung Quốc. Công nghiệp sản xuất hàng dệt may có tỷ trọng tăng trưởng nhanh chóng gồm cả sợi tổng hợp ước tính khoảng 10% sản lượng đầu ra và tiếp tục đóng vai trò quan trọng nhưng ít hơn nhiều trước đây.

Năng lượng và khoáng sản

Kế hoạch 5 năm lần thứ 11 (2006-2010) được thông báo năm 2005 và được quốc hội tán thành vào tháng 3/2006 kêu gọi các biện pháp bảo tồn năng lượng nhiều hơn nữa bao gồm phát triển những nguồn năng lượng tái tạo mới và tăng cường chú ý tới vấn đề bảo vệ môi trường. Hướng dẫn kêu gọi giảm đến 20% tiêu dùng năng lượng trên một đơn vị GDP đến năm 2010. Chuyển hướng từ than đá tới dùng các nguồn năng lượng sạch hơn như dầu mỏ, khí tự nhiên, năng lượng tái tạo mới và năng lượng hạt nhân là phần quan trọng trong chương trình phát triển của Trung Quốc. Bắc Kinh cũng có ý định tiếp tục nâng cấp hiệu quả sử dụng năng lượng và thúc đẩy sử dụng công nghệ than đá sạch. Trung Quốc cũng có nguồn thủy điện dồi dào, ví dụ đập Tam Hiệp sẽ có công suất tổng số là 18 gigawatts khi được khai thác đầy đủ (dự án đến năm 2009). Hơn nữa, phần đóng góp của điện kết hợp bởi năng lượng hạt nhân mà dự án phát triển từ 1% trong năm 2001 đến 5% vào năm 2030. Luật năng lượng tái tạo mới, có hiệu lực năm 2006 kêu gọi 10% năng lượng phải từ các nguồn năng lượng tái tạo mới năm 2020.

Du lịch

Cập nhật 3/2020



Trong những năm vừa qua, đầu tư vào ngành du lịch của Trung Quốc chiếm tỉ trọng và thị phần ngày càng lớn, là một trong số ít ngành dẫn đầu về doanh thu hàng năm. Tính chung ngành dịch vụ của Trung Quốc hiện đóng góp đến 30% vào GDP của nước này. Du lịch hiện đang nhanh chóng phát triển, trở thành một động lực lớn của nền kinh tế. Du lịch chính là nguồn cơ hội việc làm ngày càng lớn và ổn định. Mặc dù chỉ trực tiếp đóng góp một phần nhỏ trong thị trường lao động toàn quốc, du lịch đã tạo nhiều cơ hội cho những việc làm gián tiếp. Do đó, Trung Quốc đã đặt vấn đề phát triển du lịch thành một trong những ưu tiên hàng đầu trong “Kế hoạch 5 năm lần thứ 11.”

Trung Quốc là một trong những thị trường thu hút khách du lịch lớn nhất tại Châu Á, chiếm gần 34% tổng số khách du lịch đến trong khu vực;

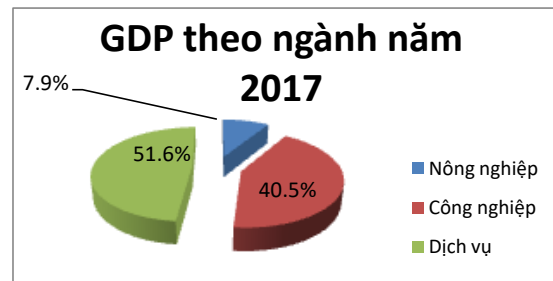
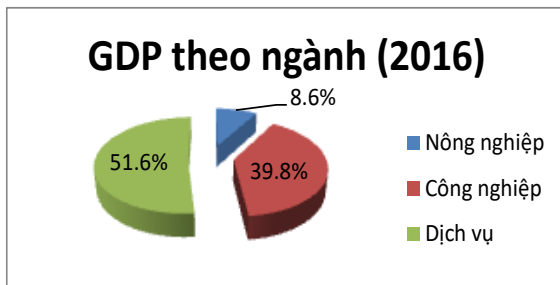
Trong thập kỷ tới, Trung Quốc sẽ vươn lên trở thành nước có ngành công nghiệp du lịch và lữ hành lớn thứ hai sau Mỹ;

Hầu hết việc tăng trưởng du lịch tại Châu á sẽ bị chi phối bởi Trung Quốc, hiện tại nước này đang có con số khách du lịch đến cao nhất, chiếm khoảng 34% tổng số lượng khách trong khu vực;

Khu vực du lịch của Trung Quốc sẽ tiếp tục nhận được những hỗ trợ cải tổ về chính sách của Chính phủ theo việc tham gia WTO của TQ;

Những hoạt động kết nối quốc tế đang gia tăng và việc thiết lập những chuỗi khách sạn cao cấp tại Trung Quốc để chuẩn bị cho Olympic Bắc Kinh 2008 sẽ mở ra những cơ hội to lớn cho ngành công nghiệp này.

3. Các chỉ số kinh tế



	2016	2017	2018
GDP (ppp)	21.72 tỷ USD đứng vị trí số 1 trên toàn TG	23.21 tỷ USD đứng vị trí số 1 trên toàn thế giới	25.36 tỷ USD đứng vị trí số 1 trên toàn thế giới
Tăng trưởng GDP	6.7%	6.9%	
GDP theo đầu người	15 700 USD	16 700 USD	18 200 USD
GDP theo ngành (2017)	Nông nghiệp: 8,6%; Công nghiệp: 39,8%; Dịch vụ: 51,6%	nông nghiệp: 7,9% ngành công nghiệp: 40,5%	



		dịch vụ: 51,6%	
Lực lượng lao động	907.5 triệu người	806.7 triệu người	
Tỷ lệ thất nghiệp	4% đứng thứ 39 thế giới	3.9% đứng thứ 48 thế giới	
Tỷ lệ lạm phát	2%	1.6%	
Mặt hàng nông nghiệp	gạo, lúa mì, khoai tây, ngô, thuốc lá, đậu phộng, chè, táo, bông, thịt lợn, thịt cừu, trứng, cá, tôm		
Các ngành công nghiệp	Dẫn đầu thế giới về giá trị tổng sản lượng công nghiệp; Chế biến quặng và quặng, sắt, thép, nhôm, và các kim loại khác, than; chế tạo máy móc; Vũ khí; Hàng dệt may; Dầu khí; xi măng; Hóa chất; Phân bón; Sản phẩm tiêu dùng (bao gồm giày dép, đồ chơi và hàng điện tử); chế biến thức ăn; Thiết bị vận tải, bao gồm xe ô tô, xe lửa và đầu máy xe lửa, tàu, máy bay; Thiết bị viễn thông, phương tiện phóng thương mại không gian, vệ tinh		
Tăng trưởng công nghiệp	6% đứng thứ 26 thế giới	6.1% đứng thứ 40 thế giới	
Kim ngạch xuất khẩu	1.99 nghìn tỷ USD đứng thứ 1 thế giới	2.216 nghìn tỷ USD đứng thứ 1 thế giới	2.49 nghìn tỷ USD đứng thứ 1 thế giới
Mặt hàng chính	Điện và các máy móc thiết bị (bao gồm xử lý dữ liệu, may mặc, thiết bị cầm tay, điện thoại vô tuyến, dệt may, mạch tích hợp		
Thị trường xuất khẩu chính	US 19.2%, Hồng Kông 12,2%, Nhật Bản 5.9%, Hàn Quốc 4,4% (ước tính năm 2018)		
Kim ngạch nhập khẩu	1,501 nghìn tỷ đô la đứng thứ 4 trên thế giới	1,74 nghìn tỷ đô la đứng thứ 4 trên thế giới	2,14 nghìn tỷ đô la đứng thứ 2 trên thế giới
Mặt hàng chính	Máy móc điện và các loại máy móc, bao gồm thiết bị xử lý dữ liệu, may mặc, đồ gỗ, hàng dệt, mạch tích hợp		
Thị trường nhập khẩu chính	Hàn Quốc 9.7%, Nhật Bản 8.6 %, US 7.3%, Đức 5%, Australia (4.9%) ước tính năm 2018		

III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức: 18.1.1950

Kể từ khi bình thường hoá quan hệ năm 1991 đến nay, quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Trung phát triển nhanh chóng và sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả hai bên. Đến nay, hai nước đã ký 49 hiệp định và 25 các văn kiện khác ở cấp nhà nước, đặt cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác lâu dài giữa hai nước. Hai bên đã khai thông đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu hàng hoá và hành khách giữa hai nước. Trao đổi đoàn ở trung ương và địa phương ngày càng tăng, hàng năm hai bên trao đổi trên 200 đoàn ở cấp lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương, đoàn thể quần chúng, góp phần tăng cường hiểu biết và mở rộng hợp tác giữa hai nước.



Trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tháng 2/1999, lãnh đạo cấp cao hai nước đã xác định phương châm 16 chữ phát triển quan hệ hai nước trong thế kỷ 21 là "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai". Nhân dịp Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Trung Quốc tháng 12/2000, hai bên đã ký Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới, cụ thể hoá phương châm 16 chữ đó thành những biện pháp cụ thể phát triển quan hệ hai nước trên tất cả các lĩnh vực. Hai bên cũng nhất trí xây dựng quan hệ hai nước theo tinh thần 4 tốt: "láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt".

Các cuộc gặp gỡ giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước được duy trì đều đặn hàng năm qua các chuyến thăm song phương có ý nghĩa quan trọng xác định phương hướng phát triển quan hệ, tăng cường sự tin cậy lẫn nhau giữa hai nước. Trong năm 2005 đã diễn ra các sự kiện quan trọng trong quan hệ hai nước: Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Trung Quốc tháng 7/2005, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào thăm Việt Nam tháng 11/2005 và cuộc gặp song phương giữa Thủ tướng Phan Văn Khải và Thủ tướng Ôn Gia Bảo bên lề Hội nghị Thượng đỉnh Hợp tác tiểu vùng sông Mê – Kông mở rộng lần thứ 2 tại Côn Minh (7/2005), đánh dấu bước phát triển mới của quan hệ hai nước, sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau được nâng lên một bước. Lãnh đạo cấp cao hai nước nhất trí sẽ thường xuyên gặp gỡ với hình thức linh hoạt để trao đổi ý kiến về quan hệ song phương và các vấn đề quốc tế cùng quan tâm. Đặc biệt hai bên nhấn mạnh cần tăng cường giáo dục tuyên truyền về tình hữu nghị Việt-Trung trong nhân dân, nhất là trong thế hệ trẻ hai nước.

Quan hệ hợp tác giữa các ngành quan trọng như ngoại giao, quốc phòng, an ninh của hai nước được tăng cường thêm một bước với việc ký các thỏa thuận hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao (12/2002), hai Bộ Công an (9/2003), hai Bộ Quốc phòng (10/2003), hai ngành An ninh (ký tháng 3/2005); Thỏa thuận hợp tác biên phòng (ký tháng 8/2007); Thỏa thuận về hợp tác giữa hai Tổng Cục chính trị Bộ Quốc phòng hai nước (ký tháng 12/2007); Hiệp định về tăng cường hợp tác phòng chống buôn bán người (ký năm 2010). Việc giao lưu giữa thế hệ trẻ 2 nước được tổ chức thường xuyên với nội dung phong phú, thiết thực.

Ngoài Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh, Việt Nam còn có Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Quảng Châu, Hồngkong, Côn Minh (Vân Nam), Nam Ninh (Quảng Tây) và Thượng Hải. Phía Trung Quốc đặt trụ sở Đại sứ quán tại Hà Nội và Tổng lãnh sự tại thành phố Hồ Chí Minh.

Mối quan hệ Việt-Trung đã vượt qua thử thách của thời gian để phát triển thuận lợi như hiện nay là kết quả kiên trì phấn đấu không mệt mỏi và rất đáng trân trọng của hai Đảng và nhân dân hai nước. Một số vấn đề do lịch sử để lại trong quan hệ hai nước (vấn đề biên giới...) đã từng bước được giải quyết, và vấn đề duy nhất còn tồn đọng là vấn đề Biển Đông cũng đang được hai nước chú trọng để tìm ra phương án thích hợp, không làm ảnh hưởng đến quan hệ láng giềng hữu nghị hai nước. Đặc biệt trong bối cảnh quốc tế và khu vực có những diễn biến phức tạp như hiện nay, việc củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam-Trung Quốc không những có tầm quan trọng đặc biệt đối với lợi ích của mỗi nước mà còn có ý nghĩa to lớn đối với hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

1. Các chuyến thăm cao cấp gần đây

- Đoàn Trung Quốc thăm Việt Nam:
 - Tỉnh trưởng Tỉnh Quảng Đông Hoàng Hoa Hoa (tháng 10/2009).
 - Tỉnh trưởng Tỉnh Hải Nam La Bảo Danh (tháng 8/2009).
 - Phó tỉnh trưởng tỉnh Hải Nam Lý Quốc Lương (tháng 11/2009).
 - Chủ tịch Tỉnh Quảng Tây Mã Tiêu (tháng 9/2010);



- Chủ tịch tỉnh Vân Nam Lý Kỳ Hằng (tháng 4/2012);
- Từ ngày 20 đến 22/12/2011, ông Tập Cận Bình thăm Việt Nam trên cương vị Phó Chủ tịch Trung Quốc. Mục đích của chuyến thăm là cụ thể hóa những kết quả, nhận thức chung mà lãnh đạo Việt - Trung đã nêu khi Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc hồi tháng 10.
- Từ ngày 13 đến 15/10/2013, đáp lại lời mời của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Lý Khắc Cường đã thăm Việt Nam.
- Đoàn Việt Nam thăm Trung Quốc:
 - Ngày 20/10/2008, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam bắt đầu thăm hữu nghị Trung Quốc. Đây là chuyến thăm Trung Quốc chính thức đầu tiên của ông Nguyễn Tấn Dũng trên cương vị Thủ tướng.
 - Vào năm 2010, trong bối cảnh Việt Nam và Trung Quốc kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm Trung Quốc từ ngày 26/4 đến 1/5 theo lời mời của chính phủ Trung Quốc. 2010 cũng là Năm Hữu nghị Việt Trung. Chuyến thăm của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị hợp tác giữa Việt Nam và các địa phương của Trung Quốc.
 - Bộ trưởng Bộ Văn Hóa Nguyễn Tuấn Anh (tháng 8/2010).
 - Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng (tháng 10/2010).
 - Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (tháng 10/2011).
 - Từ ngày 11 đến 15/10/2011, ông Nguyễn Phú Trọng lần đầu tiên thăm chính thức Trung Quốc trên cương vị Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam theo lời mời của Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch Hồ Cẩm Đào.
 - Nhận lời mời của Bộ trưởng Ngoại giao nước CHND Trung Hoa Dương Khiết Trì, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Phạm Bình Minh đã thăm chính thức Trung Quốc từ ngày 12 đến 15/2/2012.
 - Từ ngày 19 đến 21/6/2013, nhận lời mời của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.
 - Từ ngày 3 đến 6/8/2013, Nhận lời mời của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị thăm chính thức Việt Nam.
 - Tháng 9/2013, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam tiến hành chuyến công tác tại Hội chợ Triển lãm ASEAN-Trung Quốc (CAEXPO) và Hội nghị Thương đình Đầu tư-Thương mại ASEAN-Trung Quốc (CABIS) lần thứ 10 tại thành phố Nam Ninh, Trung Quốc.
 - 10/2013, Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Lý Khắc Cường thăm chính thức Việt Nam.
 - 21-25/2/2014, ông Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dẫn đầu đoàn đại biểu cấp cao Ủy ban Trung ương MTTQ VN thăm hữu nghị Trung Quốc.
 - Tháng 4/2014, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính thức Trung Quốc.
 - Từ ngày 7 đến 10/4/2015, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thăm Trung Quốc và hội đàm cùng Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình, hội kiến với các quan chức cấp cao khác ở Bắc Kinh. Chuyến thăm góp phần quan trọng vào nỗ lực thúc đẩy quan hệ Việt - Trung phát triển ổn định, lành mạnh vì lợi ích căn bản của nhân dân hai nước.



- 15-19/9/2015 Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thăm chính thức Trung Quốc và Tham dự Hội chợ Caexpo tại Nam Ninh, Trung Quốc.
- 10-15/9/2016 Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thăm chính thức Trung Quốc theo lời mời của Thủ tướng Quốc Vụ viện nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Lý Khắc Cường, tham dự Hội chợ Trung Quốc-ASEAN (CAEXPO), Hội nghị Thượng đỉnh thương mại và đầu tư Trung Quốc-ASEAN (CABIS) lần thứ 13 và thăm Khu hành chính đặc biệt Hong Kong-Trung Quốc.
- 12- 15/1/2017 Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính thức Trung Quốc.

IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM

Trong những năm gần đây, Lãnh đạo cấp cao hai nước đã dành nhiều thời gian trao đổi các biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu duy trì đà tăng trưởng kim ngạch song phương đi đôi với cải thiện cán cân thương mại. Hai bên đã ký “Quy hoạch phát triển 5 năm hợp tác kinh tế thương mại Việt - Trung giai đoạn 2012 - 2016” dịp Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm Trung Quốc (10/2011), ký Bản ghi nhớ Danh mục các dự án hợp tác trọng điểm kèm Quy hoạch vào dịp Phiên họp lần 6 Ủy ban Chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc (4/2013). Trong chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Lý Khắc Cường, hai bên đã nhất trí thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại với trọng tâm là hợp tác xây dựng một số dự án tiêu biểu có quy mô lớn về cơ sở hạ tầng, kết nối giao thông; tiếp tục áp dụng các biện pháp đảm bảo thúc đẩy quan hệ thương mại phát triển cân bằng, lành mạnh, hoàn thành trước thời hạn mục tiêu kim ngạch thương mại đạt 60 tỷ USD năm 2015; tăng cường phối hợp và hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, nhất là hợp tác trong việc phòng ngừa tác động của khủng hoảng tài chính tiền tệ quốc tế, giữ vững an ninh tiền tệ ở mỗi nước. Để thực hiện các nhiệm vụ này, hai bên nhất trí thành lập Nhóm công tác hợp tác về cơ sở hạ tầng và Nhóm công tác về hợp tác tiền tệ. (nguồn: Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc)

1. Hợp tác thương mại

Trong năm 2019 tổng kim ngạch XNK 2 nước đã đạt 116.865 tỷ USD tăng 11,61% so với năm 2018, trong đó kim ngạch xuất khẩu là 41.414 tỷ USD tăng 0.35% so với năm 2018 và kim ngạch nhập khẩu là 75.451 tỷ USD tăng 18,93% so với năm 2018. Theo số liệu sơ bộ của Tổng Cục Hải quan. Trong năm 2019 cán cân thương mại Việt Nam – Trung Quốc đã cải thiện rõ rệt khi Việt Nam lượng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc tăng và lượng hàng hóa nhập khẩu tăng lên rõ rệt.

Kim ngạch XNK giữa Việt Nam và Trung Quốc qua các năm

(Đơn vị: triệu USD – Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam)

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
VN xuất	7.309	11.126	12.388	13.259	14.931	17.109	21.970	35.462	41.268	41.414
VN nhập	20.019	24.593	28.785	36.954	43.710	49.526	49.929	58.228	63.437	75.451
Kim ngạch XNK	27.328	35.719	41.173	50.213	58.641	66.635	71.899	93.690	104.705	116.865

Hiện nay Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc hơn 100 mặt hàng, gồm những nhóm hàng chính sau:

Hàng điện tử: gồm máy vi tính , linh kiện và sản phẩm điện tử, chiếm 23,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc

Hàng nhiên nguyên liệu: dầu thô, than, quặng kim loại, các loại hạt có dầu, dược liệu (cây làm thuốc)...



Hàng nông sản: lương thực (gạo, sắn khô), rau củ quả (đặc biệt là các loại hoa quả nhiệt đới như: chuối, xoài, chôm chôm, thanh long...), chè, hạt điều

Hàng thủy sản: thủy sản tươi sống, thủy sản đông lạnh, một số loại mang tính đặc sản như: rắn, rùa, ba ba... tự nhiên hoặc được nuôi thả.

Hàng tiêu dùng: hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, đồ gỗ cao cấp, bột giặt, bánh kẹo...

Tính trong 6 tháng đầu năm 2019 lượng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc bao gồm những mặt hàng chủ yếu : Điện thoại các loại và linh kiện , Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, Hàng rau quả, Xơ, sợi dệt các loại, Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện.

Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc bao gồm: các sản phẩm chính như Điện thoại các loại và linh kiện, Vải các loại, Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, Sắt thép các loại và Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày, Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác.

Top 5 Mặt hàng XNK Việt Nam – Trung Quốc trong năm 2019

(Đơn vị USD – Nguồn Tổng Cục Hải quan)

Mặt hàng Nhập khẩu	Năm 2019	Mặt hàng Xuất khẩu	Năm 2019
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	12.114.072.430	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	9.557.546.067
Vải các loại	7.735.221.727	Điện thoại các loại và linh kiện	8.293.172.693
Điện thoại các loại và linh kiện	7.579.251.796	Hàng rau quả	2.429.651.672
Sắt thép các loại	3.299.917.446	Xơ, sợi dệt các loại	2.400.738.283
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	2.459.454.308	Hàng dệt, may	1.594.179.704

2. Hợp tác đầu tư

Tính trong năm 2019, Trung Quốc có tổng vốn đăng ký đạt 16.264 triệu USD và 2807 dự án. Trong đó, có 683 dự án cấp mới đầu tư vào Việt Nam với số vốn cấp mới là 2.373 triệu USD, 145 lượt dự án tăng vốn với tổng số vốn tăng thêm là 650 triệu USD đứng thứ 5 trong các đối tác tại Việt Nam.

Các dự án rải rác trên 53 tỉnh thành Việt Nam, trong đó một số tỉnh thành phố thu hút đầu tư từ Trung Quốc nhiều nhất là Hà Nội, Hải Phòng, Lào Cai, Hưng Yên, Long An, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, là những địa phương có cơ sở hạ tầng tương đối tốt và những nơi có cộng đồng người Hoa sinh sống. Hầu hết các dự án đang được triển khai thuận lợi và thành công, mang lại lợi ích chung cho doanh nghiệp và hai nước.

3. Hợp tác trong các lĩnh vực khác

Chính phủ Trung Quốc còn hỗ trợ Việt Nam nhiều khoản viện trợ không hoàn lại dùng vào việc tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát kinh nghiệm phát triển kinh tế xã hội ở Trung Quốc; trao đổi thanh thiếu niên; đầu tư trang thiết bị cho một số bệnh viện tại Việt Nam; xây dựng khu nhà ở Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Cung Hữu nghị Việt – Trung.

Quan hệ trao đổi, hợp tác giữa ta với Trung Quốc trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, văn hóa - thể thao được đẩy mạnh. Hàng năm, Trung Quốc tiếp nhận một số lượng đáng kể các học sinh, thực tập



sinh và các đoàn thể thao của ta sang nghiên cứu, học tập và tập huấn tại Trung Quốc, đồng thời cử nhiều cán bộ, huấn luyện viên sang giúp ta trong công tác huấn luyện các môn thể thao. Hai bên trao đổi các đoàn biểu diễn nghệ thuật, tổ chức nhiều cuộc giao lưu văn hóa, thể thao, góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

V. HỢP TÁC VỚI VCCI

1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết

VCCI đã ký 23 biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các tổ chức xúc tiến thương mại của Trung Quốc.

Năm 1992: với CCPIT Quảng Đông tại Hà Nội

Năm 1995: với CCPIT Cam Túc tại Hà Nội

Năm 1996: với CCPIT Hà Bắc

Năm 1997: với CCPIT Cát Lâm tại Hà Nội

Năm 1999: với Ủy Ban Nhân dân Châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam tại Hà Nội

Năm 1999: với CCPIT Phúc Kiến tại Hạ Môn

Năm 1999: với chính quyền Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây tại Hà Nội

Năm 1999: với CCPIT Hải Nam

Năm 1999: với Ủy Ban Xúc tiến Mậu dịch Quốc tế Trung Quốc tại Bắc Kinh

Năm 2002: với CCPIT Quảng Tây tại Nam Ninh

Năm 2003: với Phòng Thương mại Hồng Kong

Năm 2005: với Ủy Ban Xúc tiến Mậu dịch Quốc tế Trung Quốc tại Bắc Kinh

Năm 2006: với Ban Thư ký Hội nghị Thượng đỉnh Thương mại và Đầu tư Trung Quốc – Asean tại Hà Nội

Năm 2006: với CCPIT Đại Liên tại Hà Nội

Năm 2006: với Cục Xúc tiến Thương mại Ma Cao

Năm 2007: với CCPIT Chiết Giang tại Hà Nội

Năm 2007: với CCPIT Vân Nam tại Hà Nội

Năm 2008: với Sở Thương mại tỉnh Quảng Tây

Năm 2008: với CCPIT Quảng Đông tại Hà Nội

Năm 2009: với CCPIT Tứ Xuyên tại Thành Đô

Năm 2009: với CCPIT Quảng Đông tại Quảng Châu

Năm 2009: với chính quyền nhân dân tỉnh Hải Nam tại Hà Nội

Năm 2010: với CCPIT Giang Tô tại Nam Kinh

Năm 2010: với Sở Thương mại tỉnh Hồ Nam tại Quảng Tây

Năm 2013: với CCPIT Thanh Hải tại Hà Nội

Năm 2015: với CCPIT tại Bắc Kinh



Năm 2016: Với CCPIT Hải Nam tại Hà Nội

Năm 2017: Với CCPIT Chiết Giang tại Hà Nội

Năm 2018: Với CCPIT tại Nam Ninh

Năm 2019: Với CCPIT Hắc Long Giang, CCPIT Sơn Đông, ACFIC.

2. Hoạt động đã triển khai

Thực hiện thỏa thuận hợp tác đã ký kết với các tổ chức xúc tiến thương mại của Trung Quốc, VCCI đã thường xuyên đón tiếp các đoàn doanh nghiệp Trung Quốc sang khảo sát thị trường Việt Nam, gặp gỡ trao đổi thông tin trực tiếp, tìm hiểu đối tác Việt Nam và phối hợp với đối tác tổ chức Hội thảo, Tọa đàm doanh nghiệp với các đoàn doanh nghiệp của hầu hết các tỉnh thành của Trung Quốc: Bắc Kinh, Chiết Giang, Quảng Đông, Quảng Tây, Vũ Hán, Đại Liên, Vân Nam, Sơn Đông, Phúc Kiến. Từ 2011 – 2015, VCCI đã phối hợp với Ban và các Ban ngành Việt Nam tổ chức được 23 cuộc Hội thảo, Tọa đàm doanh nghiệp (Năm 2011: 6 cuộc; Năm 2012: 7 cuộc, Năm 2013: 3 cuộc; Năm 2014: 2, Năm 2015: 5 cuộc). Sau các buổi Hội thảo, tọa đàm gặp gỡ trực tiếp, doanh nghiệp hai bên đều thu thập được những thông tin cụ thể, chi tiết, chính xác về mặt hàng, giá cả, phương thức thanh toán hoặc phương hướng hợp tác trong tương lai, góp phần trực tiếp vào quá trình thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại đầu tư Việt Nam – Trung Quốc.

Đồng thời mỗi năm VCCI đều tổ chức các đoàn doanh nghiệp đi khảo sát thị trường Trung Quốc theo các chuyên đề khác nhau, tại các địa điểm khác nhau trên lãnh thổ Trung Quốc: Quảng Đông, Quảng Tây, Chiết Giang, Đại Liên, Vân Nam, Sơn Đông, Phúc Kiến... Để các chuyên đi khảo sát thu được những kết quả tốt nhất, ngoài việc tổ chức các cuộc Hội thảo chuyên đề, tọa đàm, gặp gỡ doanh nghiệp hai bên, VCCI đều liên hệ với các cơ quan hữu quan phía Bạn cho doanh nghiệp được tham quan khảo sát các nhà máy, khu công nghiệp, khu chế xuất, tạo cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam học hỏi kinh nghiệm cũng như có thông tin tổng quan hơn về thị trường tại từng địa phương đoàn đến. Kết quả thu được sau các chuyến đi khảo sát thị trường là nhiều doanh nghiệp đã tìm được bạn hàng, nhà cung cấp hay đối tác đầu tư Trung Quốc. Trong thời gian từ 2011 - 2015, VCCI đã tổ chức được 15 đoàn doanh nghiệp Việt Nam tham quan khảo sát thị trường Trung Quốc (Năm 2011: 2 đoàn; Năm 2012: 3 đoàn; Năm 2013: 4 đoàn; năm 2014: 3, năm 2015:3).

Bên cạnh đó, VCCI cũng đã tổ chức nhiều đoàn doanh nghiệp tháp tùng lãnh đạo cấp cao Nhà nước Việt Nam sang thăm và làm việc tại Trung Quốc cũng như đón các đoàn doanh nghiệp tháp tùng lãnh đạo cấp cao Trung Quốc sang thăm và làm việc tại Việt Nam. Trong các chuyến đi, VCCI đều tổ chức Diễn đàn doanh nghiệp hai nước nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước ngày càng phát triển hơn nữa. Trong đó, không thể không nhắc tới sự kiện gần nhất diễn ra từ ngày 15-19/9/2015, VCCI đã tổ chức đoàn Doanh nghiệp tháp tùng Phó thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (nay là Thủ tướng) thăm chính thức Trung Quốc và tham dự Hội chợ Asean – Trung Quốc và Hội nghị Hội nghị Thượng đỉnh Đầu tư, Thương mại ASEAN-Trung Quốc (CABIS) lần thứ 9 tại Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc. Trong khuôn khổ chuyến đi, VCCI cũng đã ký lại MOU với Ủy ban Xúc tiến Thương mại Quốc tế Trung Quốc (CCPIT) với mong muốn tăng cường hợp tác hơn nữa trong thời gian tới giữa hai bên.

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Địa chỉ hữu ích

Đơn vị - Địa chỉ	Tel/Fax	Email/Website
Việt Nam		



Ban Quan hệ quốc tế, VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội	T: 84-4-35742022 ext 205	anhnt@vcci.com.vn
Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam 46 Hoàng Diệu, Hà Nội	T: 84-4-38453736 F: 84-4-38232826	chinaemb_vn@mfa.gov.cn
Thương vụ Sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam 39 Trần phú, Hà Nội	T: 84-4-38438863 38232845 F: 84-4-38234286	
Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc tại Tp Hồ Chí Minh 175 Hai Bà Trưng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	T: 08-38292457 F: 08-38295009	cgchinahcmc@hcm.vnn.vn
Trung Quốc		
Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc Beijing, Jian Guo Men Wai, Guang Hua Lu, No32	T: +86-10-6532 1155 (P. Lễ tân) 6532 7038 (P. Lãnh sự) 6532 1125 (P. Chính trị) 6532 0898 (P. Kinh tế) 6532 9915 (P. Thương vụ) F: +86-10-6532 5720	suquanbk@yahoo.com
Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Quảng Châu Hotel Landmark B building north 2nd floor, Qiaoguang rd (Haizhu square), Guangzhou	T: +(86-20)83305911/8330 5916 F: (86-20) 8330 5915 Lãnh sự: +86-20-83305910	tlsq.quangchau@mofa.gov.vn
Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nam Ninh 1 floor Touzi Dasha 109 Minzu Avenue Nanning	T: +86-771-551 0562 F: +86-771-553 4738	tlsqvn@rediffmail.com
Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Côn Minh 2nd floor, Kai Wah International Hotel, 157 Beijing Road, Kunming, China	T: +86-871-351 5889/ 352 2669 F: +86-871-351 6667	tlsqcm@yahoo.com



<p>Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kong</p> <p>15/F, Great Smart Tower, 230 Wan Chai Road, Wan Chai, Hongkong</p>	<p>T: +85-2-2591 4517/ 2591 4510</p> <p>F: +85-2-2591 4524/ 2591 4539</p>	<p>vnconsul@netvigator.com</p>
<p>Văn phòng Lãnh sự Việt Nam tại Thượng Hải</p> <p>3F, Huachen financial mansion. No 900, Pudong Ave, Shanghai</p>	<p>T: +86-21-68555872/ 68555871/ 13472652588</p> <p>F: +86-21-68555873</p>	<p>tlsqvn.th@mofa.gov.vn</p>
<p>Ủy ban Xúc tiến Thương mại Quốc tế Trung Quốc - China Council For The Promotion Of International Trade (CCPIT)</p> <p>1 Fuxingmenwai Street, Beijing 100860</p>	<p>T: +86-10-8807.5769/5729</p> <p>F: +86-10-68030747</p>	<p>BCNweb@ccpit.org</p>

2. Các thông tin khác

*Website [Bộ Ngoại giao Việt Nam](#)

*Website [Phòng Tham tán Kinh tế Thương mại ĐSQ Trung Quốc tại Việt Nam](#)

*Website [Hiệp hội Doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam](#)

*Website [Cổng thông tin điện tử Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Trung Quốc](#)

*Website [CIA – The World Factbook](#)



Bảng 1. Xuất khẩu Việt Nam – Trung Quốc năm 2019 (Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU

Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
TRUNG QUỐC			4.255.842.491		41.414.093.484
Hàng thủy sản	USD		128.509.820		1.230.561.031
Hàng rau quả	USD		187.739.158		2.429.651.672
Hạt điều	Tấn	9.365	71.413.617	76.788	590.423.380
Cà phê	Tấn	4.569	11.648.619	41.456	101.137.305
Chè	Tấn	941	1.130.183	8.482	23.801.236
Gạo	Tấn	24.587	14.999.537	477.127	240.391.971
Sắn và các sản phẩm từ sắn	Tấn	297.903	102.289.092	2.263.388	864.031.400
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		5.990.636		74.311.376
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		12.432.595		182.596.496
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	165.791	5.108.438	1.897.384	76.671.479
Clanhke và xi măng	Tấn	2.565.879	97.774.694	16.578.651	629.891.196
Dầu thô	Tấn	42.105	20.250.484	1.140.423	573.581.978
Xăng dầu các loại	Tấn	51.820	33.084.049	540.500	384.392.229
Hóa chất	USD		34.414.167		490.180.919
Sản phẩm hóa chất	USD		18.003.241		222.074.799
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	47.093	38.974.214	475.461	433.417.169
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		11.680.359		148.732.212
Cao su	Tấn	147.881	204.027.633	1.162.216	1.551.436.953
Sản phẩm từ cao su	USD		7.568.888		82.138.342
Túi xách, vi, vali, mũ, ô, dù	USD		18.283.383		159.319.786
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	USD		860.881		11.137.418
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		120.518.682		1.162.732.880
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		34.048.297		213.267.001
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	90.646	212.398.450	962.077	2.400.738.283
Hàng dệt, may	USD		138.717.037		1.594.179.704
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	USD		1.076.511		10.676.825
Giày dép các loại	USD		147.023.355		1.780.945.065
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		23.037.244		318.132.994
Sản phẩm gốm, sứ	USD		2.403.968		22.251.867
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		1.976.843		20.526.391
Sắt thép các loại	Tấn	135.926	55.583.609	442.604	192.634.506
Sản phẩm từ sắt thép	USD		5.945.700		89.150.869
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		32.874.464		223.491.065
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		1.088.433.774		9.557.546.067
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		935.519.596		8.293.172.693
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		46.151.253		1.533.925.720
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		170.984.976		1.584.339.775
Dây điện và dây cáp điện	USD		67.944.648		621.269.702
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		24.083.455		288.099.756
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	USD		1.664.202		20.484.141
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	USD		4.702.063		51.452.269
Hàng hóa khác	USD		114.570.674		935.195.563

Bảng 2. Nhập khẩu Việt Nam – Trung Quốc năm 2019 (Nguồn: Tổng cục Hải Quan)



BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
TRUNG QUỐC			6.925.577.808		75.451.943.534
Hàng thủy sản	USD		17.514.599		143.413.006
Hàng rau quả	USD		35.413.604		455.625.989
Dầu mỡ động thực vật	USD		716.869		8.872.810
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		4.670.931		39.410.680
Chế phẩm thực phẩm khác	USD		5.024.285		53.551.248
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		16.376.987		181.129.926
Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD		14.069.857		79.740.505
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	26.638	5.373.392	252.811	54.554.202
Than các loại	Tấn	79.074	20.604.675	854.835	241.638.850
Xăng dầu các loại	Tấn	172.013	107.520.265	1.562.368	975.734.576
Khí đốt hóa lỏng	Tấn	53.550	29.327.560	624.575	329.059.349
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		8.962.892		99.077.601
Hóa chất	USD		143.463.015		1.628.388.885
Sản phẩm hóa chất	USD		164.787.266		1.597.402.453
Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD		28.112.677		248.378.770
Dược phẩm	USD		4.544.652		36.465.585
Phân bón các loại	Tấn	152.641	41.688.936	1.513.918	381.151.417
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	USD		6.572.993		60.630.923
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD		34.272.412		448.826.106
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	72.729	124.020.919	752.356	1.304.434.062
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		285.027.431		2.687.882.590
Cao su	Tấn	4.551	8.196.529	47.246	84.914.013
Sản phẩm từ cao su	USD		32.131.663		333.749.946
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		83.340.429		656.578.658
Giấy các loại	Tấn	48.045	41.506.939	457.125	398.451.836
Sản phẩm từ giấy	USD		37.615.670		372.950.203
Bông các loại	Tấn	63	140.400	2.902	5.251.401
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	55.863	111.038.179	610.368	1.323.733.261
Vải các loại	USD		689.193.978		7.735.221.727
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		220.180.915		2.459.454.308
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		75.440.251		700.032.679
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		2.490.178		36.679.708
Sắt thép các loại	Tấn	251.635	175.845.645	5.143.330	3.299.917.446
Sản phẩm từ sắt thép	USD		176.070.414		1.948.769.980
Kim loại thường khác	Tấn	42.657	149.205.913	473.702	1.628.905.534
Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		97.606.161		1.036.307.693
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		1.030.038.865		12.114.072.430
Hàng điện gia dụng và linh kiện	USD		70.267.175		581.793.867
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		594.309.612		7.579.251.796
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		98.461.458		1.214.160.856
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		1.547.016.141		14.895.938.057
Dây điện và dây cáp điện	USD		92.895.092		948.015.912
Ô tô nguyên chiếc các loại	Chiếc	275	13.040.858	5.054	202.788.310
Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD		63.682.706		707.976.090
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD		5.780.136		112.497.395
Hàng hóa khác	USD		412.016.284		4.019.160.897